

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ  
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2014/NĐ-CP BỔ SUNG ĐÓT 1 NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 4391/QĐ-UBND, ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| TT                           | Họ và tên     | Ngày<br>tháng<br>năm sinh | Trình độ<br>đào tạo | Chức<br>danh<br>chuyên<br>môn đang<br>đảm<br>nhiệm | Lương ngạch, bậc<br>hiện giữ |                    | Lương ngạch, bậc trước hiện kê     |                     |                        |                   |            | Tiền<br>lương<br>tháng<br>hiện<br>hưởng<br>(1000<br>đồng) | Tiền<br>lương<br>tháng<br>đóng<br>(nếu có)<br>để tính<br>trợ cấp<br>(1000<br>đồng) | Số<br>năm<br>đóng<br>BHx<br>theo<br>số<br>BHx<br>H | Tuổi<br>khí<br>giải<br>quyết<br>tình<br>giảm<br>biên<br>chế | Thời điểm<br>tình giảm<br>biên chế | Được hưởng chính sách |          | Tổng KP để<br>thực hiện<br>chế độ | Lý do tình giảm                  |
|------------------------------|---------------|---------------------------|---------------------|----------------------------------------------------|------------------------------|--------------------|------------------------------------|---------------------|------------------------|-------------------|------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------------------|----------------------------------|
|                              |               |                           |                     |                                                    | Hệ số<br>lương               | Thời điểm<br>hưởng | Hệ số<br>Lương, VK, PCTNN,<br>PCCV | Thời điểm<br>hưởng  | Nghỉ hưu<br>trước tuổi | Thời việc<br>ngay |            |                                                           |                                                                                    |                                                    |                                                             |                                    |                       |          |                                   |                                  |
| 1                            | 2             | 3                         | 4                   | 5                                                  | 6                            | 7                  | 8                                  | 9                   | 10                     | 11                | 12         | 13                                                        | 14                                                                                 | 15                                                 | 16                                                          | 17                                 | 18                    | 19       | 20                                |                                  |
| I KHỎI HÀNH CHÍNH : 01 NGƯỜI |               |                           |                     |                                                    |                              |                    |                                    |                     |                        |                   |            |                                                           |                                                                                    |                                                    |                                                             |                                    |                       |          |                                   |                                  |
| CẤP XÃ: 01                   |               |                           |                     |                                                    |                              |                    |                                    |                     |                        |                   |            |                                                           |                                                                                    |                                                    |                                                             |                                    |                       |          |                                   |                                  |
| THỜI VIỆC NGAY: 01           |               |                           |                     |                                                    |                              |                    |                                    |                     |                        |                   |            |                                                           |                                                                                    |                                                    |                                                             |                                    |                       |          |                                   |                                  |
| HUYỆN BÌNH TÂN: 01           |               |                           |                     |                                                    |                              |                    |                                    |                     |                        |                   |            |                                                           |                                                                                    |                                                    |                                                             |                                    |                       |          |                                   |                                  |
| 1                            | Huỳnh Văn Bảy | 12/06/1969                | TCN                 | CC                                                 | 1,86                         | 01/09/2018         | 1,18                               |                     |                        |                   | 01/03/2015 | 2771,40                                                   | 1811,68                                                                            | 9,08                                               | 50,09                                                       | 01/03/2020                         |                       | 35489,40 | 35489,40                          | Theo điểm c khoản 1 Điều 6       |
|                              |               |                           | Kế                  | Văn                                                |                              |                    | 1,18                               |                     |                        |                   | 01/05/2016 |                                                           |                                                                                    |                                                    |                                                             |                                    |                       |          |                                   | NĐ số 108/2014/NĐ-CP             |
|                              |               |                           | toán                | hóa                                                |                              |                    | 1,18                               |                     |                        |                   | 01/07/2017 |                                                           |                                                                                    |                                                    |                                                             |                                    |                       |          |                                   | được sửa đổi, bổ sung tại        |
|                              |               |                           | doanh               | xã                                                 |                              |                    | 1,18                               |                     |                        |                   | 01/07/2018 |                                                           |                                                                                    |                                                    |                                                             |                                    |                       |          |                                   | NĐ số 113/2018/NĐ-CP             |
|                              |               |                           | nghiep              | hội                                                |                              |                    | 1,86                               |                     |                        |                   | 01/09/2018 |                                                           |                                                                                    |                                                    |                                                             |                                    |                       |          |                                   | Trình độ đào tạo không đạt chuẩn |
|                              |               |                           |                     | xã                                                 |                              |                    | 1,86                               |                     |                        |                   | 01/07/2019 |                                                           |                                                                                    |                                                    |                                                             |                                    |                       |          |                                   | quy định đối với công chức xã    |
|                              |               |                           |                     | Nguyễn                                             |                              |                    |                                    |                     |                        |                   |            |                                                           |                                                                                    |                                                    |                                                             |                                    |                       |          |                                   | (Thông tư số 13/2019/TT-BNV)     |
|                              |               |                           |                     | Văn                                                |                              |                    |                                    |                     |                        |                   |            |                                                           |                                                                                    |                                                    |                                                             |                                    |                       |          |                                   | cả nhân có đơn xin tự            |
|                              |               |                           |                     | Thành                                              |                              |                    |                                    |                     |                        |                   |            |                                                           |                                                                                    |                                                    |                                                             |                                    |                       |          |                                   | nguyên thực hiện tình giảm       |
|                              |               |                           |                     |                                                    |                              |                    |                                    |                     |                        |                   |            |                                                           |                                                                                    |                                                    |                                                             |                                    |                       |          |                                   | biên chế được đơn vị đồng ý      |
| TỔNG CỘNG: 01 người          |               |                           |                     | THỜI VIỆC NGAY: 01                                 |                              |                    |                                    | Khởi Hành chính: 01 |                        |                   |            | TỔNG KINH PHÍ CHI TRẢ                                     |                                                                                    |                                                    |                                                             |                                    |                       | 35489,40 |                                   | 35.489,40                        |